

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-ST.

Ngày: 19-8-2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Chấn.
2. Bà Lê Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: số H, ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

2. Ông Thái L, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: số D, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bằng tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Do quen biết nên ngày 15/7/2024, bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Thái L mượn số tiền 65.000.000 đồng, mục đích để sinh hoạt gia đình. Khi giao nhận tiền có viết “*Giấy mượn tiền*” do chính bà H và ông L ký tên. Khi nhận tiền bà H, ông L có hứa mỗi tháng sẽ trả bà 10 triệu đồng nhưng không thực hiện việc trả tiền cho bà.

Khi nộp hồ sơ khởi kiện, bà yêu cầu bà H, ông L có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền 65.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Sau khi hòa giải tại Tòa án thì vào khoảng tháng 6/2025, bà H có trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng. Việc giao trả tiền này không có lập biên nhận nên bà không giao nộp cho Tòa án được.

Tại phiên tòa, bà rút lại yêu cầu đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bà H đã trả. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Thái L có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền còn lại là 60.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05/5/2025, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Thái L là vợ chồng hợp pháp, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do gặp khó khăn nên vợ chồng bà có mượn của bà T số tiền 65.000.000 đồng vào ngày 15/7/2024 để sinh hoạt gia đình. Khi giao nhận tiền vợ chồng bà có viết và ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” như bà T trình bày. Do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên ông bà chưa trả được số tiền trên cho bà T. Bà đồng ý có trách nhiệm liên đới với chồng là ông Thái L để trả cho bà T số tiền 65.000.000 đồng nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Thái L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp tiền vay, bị đơn bà H và ông L cùng có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Thái L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Thái L.

[3] Tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và căn cứ Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T1 đối với số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Bà T1 khởi kiện yêu cầu bà H, ông L có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn lại là 60.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính “*Giấy mượn tiền*” lập ngày 15/7/2024. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05/5/2025, bà H thừa nhận có ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” lập ngày 15/7/2024, thừa

nhận và đồng ý có trách nhiệm liên đới với ông L để trả cho bà T1 số tiền 65.000.000 đồng. Mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L nhưng căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và lời khai của bà H về mục đích mượn tiền để sinh hoạt gia đình nên Hội đồng xét xử buộc bà H, ông L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T1 số tiền 60.000.000 đồng.

[5] Do bà Phạm Thị Thanh T tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà H, ông L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T đối với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T: buộc bà Nguyễn Thị H, ông Thái L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị H, ông Thái L phải liên đới nộp 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự.
- VKSND Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- Văn phòng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Như Phương